

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2023/DS-PT
Ngày 04 - 5 - 2023
V/v Tranh chấp đòi lại tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Minh Tùng

Ông Lê Khắc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 4 và ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Địa chỉ: Đường Võ Văn Kiệt, Khóm 5, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh D, chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trọng Q - Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2023).

2. Bị đơn: Quỹ tín dụng nhân dân xã A.

Địa chỉ: Ấp Phú Thọ, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân xã A.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1979.

3.2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977.

3.3. Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1935.

Địa chỉ: Ấp Phú Điền, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Quỹ tín dụng nhân dân xã A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, ông Trần Trọng Quyết trình bày:

Quỹ tín dụng nhân dân xã A (Quỹ tín dụng) đã nhận tiền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (Thi hành án) số tiền 166.575.000đ là tiền bán tài sản của ông S và bà L mà Thi hành án đã chuyển trả cho Hợp đồng tín dụng số: 609/11/HĐTD ngày 03/11/2011 của Quỹ tín dụng, do Thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản 9.000m² đất thuộc một phần thửa đất số 167, tờ bản đồ số 4 của vợ chồng ông S, bà L nhằm mục đích đảm bảo khoản vay thế chấp của Hợp đồng tín dụng số: 609/11/HĐTD ngày 03/11/2011 của Quỹ tín dụng và để thi hành án cho bà Phan Thị Q nhưng Hợp đồng tín dụng này đã được tất toán xong vào ngày 05/11/2012 nhưng Quỹ tín dụng không thông báo là Hợp đồng tín dụng số: 609/11/HĐTD ngày 03/11/2011 đã tất toán xong, đồng thời phải từ chối nhận số tiền 166.575.000đ vì tại thời điểm này Hợp đồng tín dụng số: 609/11/HĐTD không còn giá trị. Quỹ tín dụng không thông báo mà còn cố tình nhận số tiền thanh toán cho Hợp đồng tín dụng số: 609/11/HĐTD để thanh toán nợ cho Hợp đồng tín dụng số: 608/13/HĐTD ngày 23/10/2013 là sai vì Hợp đồng tín dụng số: 608/13/HĐTD ngày 23/10/2013 không liên quan gì đến tài sản đã kê biên, xử lý đảm bảo việc thi hành án của ông S bà L.

Từ đó dẫn đến kết quả tại Bản án số: 148/2021/DSPT ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định tuyên xử:

“....Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện T có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Văn Thái số tiền bán đấu giá tài sản là 193.269.000đ và bồi thường thiệt hại số tiền là 121.731.000đ. Tổng cộng là 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Chi cục thi hành án dân sự huyện T phải chịu 15.750.000đ (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm...”.

Nay, Thi hành án yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Quỹ tín dụng trả lại số tiền là 166.575.000đ và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) kể từ ngày 29/7/2014 đến 29/4/2021 là 81 tháng x 166.575.000đ x 0,83%/tháng = 111.988.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 278.563.000đ, không yêu cầu tính lãi từ ngày 30/4/2021 đến ngày 25/11/2022 và yêu cầu trả số tiền án phí là: 15.750.000đ và số tiền chênh lệch phải bồi thường cho ông Lê Văn Th là: 36.437.000đ.

Người đại diện theo pháp luật bị đơn Quỹ tín dụng nhân dân xã A, ông Đặng Văn Đ trình bày:

Nguyên vào ngày 24/10/2013 ông S và bà L có đến vay vốn tại Quỹ tín dụng, thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K960081, diện tích 8.882m² và vay theo 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể hợp đồng tín dụng số: 607/13 vay số tiền 40.000.000đ và hợp đồng tín dụng số: 608/13 vay số tiền 150.000.000đ và giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0755322, diện tích 22.051m².

Ngày 29/7/2014 ông Lương Văn H chấp hành viên thi hành án đến Quỹ tín dụng giao “Biên bản tạm giữ tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L” và mời Quỹ tín dụng đến Thi hành án nhận số tiền 166.575.000đ xem như Thi hành án tạm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0755322, diện tích 22.051m² và giao cho Quỹ tín dụng số tiền gốc và lãi như trên.

Đến ngày 10/12/2014 vợ chồng ông S và bà L có đến Quỹ tín dụng trả gốc và lãi cụ thể: Tiền gốc: 40.000.000đ và lãi 4.409.000đ, đồng thời nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K960081, diện tích 8.882m². Sau đó vợ chồng ông S và bà L đòi trả tiếp tục 150.000.000đ và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0755322, diện tích 22.051m². Quỹ tín dụng trả lời giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên do Thi hành án giữ Ông, Bà đến Thi hành án liên hệ.

Theo tinh thần bản án sơ thẩm số: 32/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T và bản án phúc thẩm số: 148/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thì Quỹ tín dụng không có trách nhiệm trả tiền theo yêu cầu của Thi hành án.

Nay Quỹ tín dụng rút lại, không yêu cầu Thi hành án trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 22.051m², mục đích sử dụng: L, thửa 167, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01927, cấp ngày 15/6/2001 do ông Nguyễn Văn S đứng tên (thừa củ).

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 58/2022/DS-ST, ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đối với Quỹ tín dụng nhân dân xã A.

Buộc Quỹ tín dụng nhân dân xã A có trách nhiệm trả cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T số tiền 166.575.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T về việc yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân xã A trả số tiền lãi của số tiền 166.575.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) là 111.988.000đ (Một trăm mười một triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn đồng), tiền án phí là: 15.750.000đ (Mười lăm triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền chênh lệch phải bồi thường

cho ông Lê Văn Thái là: 36.437.000đ (Ba mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân xã A về việc yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 22.051m², mục đích sử dụng: L, thửa 167, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01927, cấp ngày 15/6/2001 (do ông Nguyễn Văn S đứng tên) theo biên bản tạm giữ tài sản, giấy tờ giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam và Quỹ tín dụng nhân dân xã A, ngày 29/7/2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Quỹ tín dụng nhân dân xã A phải chịu 8.328.000đ (Tám triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0013142 ngày 12/7/2022. Quỹ tín dụng nhân dân xã A còn phải nộp tiếp 8.028.000đ (Tám triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

4.2 Chi cục Thi hành án dân sự huyện T phải nộp 8.208.000đ (Tám triệu, hai trăm lẻ tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.964.000đ (Sáu triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số: BI/2019/0016235 ngày 02/7/2021 và 394.000đ (Ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0003161 ngày 21/10/2021 và 911.000đ (Chín trăm mười một nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0003340 ngày 08/12/2021. Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được nhận lại tiền tạm ứng án phí còn thừa 61.000đ (Sáu mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 05/12/2022 Chi cục Thi hành án dân sự huyện T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 58/2022/DS-ST, ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc Quỹ tín dụng nhân dân xã A phải trả cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T các khoản:

+ Tiền lãi 111.988.000 đồng (Tính từ ngày 29/7/2014 đến ngày 29/4/2021 là 81 tháng x 0.83%).

+ Tiền chênh lệch 36.437.000 đồng trong số tiền 315.000.000 đồng mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T phải bồi thường cho ông Lê Văn Th vì Quỹ tín dụng nhân dân xã A đã nhận số tiền 166.575.000 đồng từ tiền bán đấu giá tài sản nên phải bồi thường cho ông Th.

+ Chi cục Thi hành án dân sự huyện T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.208.000 đồng.

- Ngày 09/12/2022 Quỹ tín dụng nhân dân xã A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 58/2022/DS-ST, ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, yêu cầu không chấp nhận yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đối với Quỹ tín dụng nhân dân xã A về việc trả cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T số tiền 166.575.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đặng Văn Đ trình bày: Ông Đực xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, đồng ý với bản án sơ thẩm số 58/2022/DS-ST, ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, đồng ý trả cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T số tiền 166.575.000 đồng. Vì Quỹ tín dụng cũng nhận thấy việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện T kê biên, bán đấu giá tài sản của ông S, bà L là diện tích đất 9.000m², thuộc một phần thửa 167 là có một phần lỗi của Quỹ tín dụng do đó Quỹ tín dụng tự nguyện bồi thường cho Chi cục Thi hành án 50% tiền lãi tính từ ngày 29/7/2014 đến ngày 29/4/2021 là 81 tháng x 0.83% là 55.994.000 đồng.

Ông Trần Trọng Quyết trình bày: Chi cục Thi hành án dân sự huyện T rút lại một phần yêu cầu kháng cáo đối với 50% số tiền lãi suất của 111.988.000 đồng, đồng ý sự tự nguyện của Quỹ tín dụng nhân dân xã A bồi thường cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T số tiền 55.994.000 đồng. Đối với các yêu cầu kháng cáo còn lại, Chi cục Thi hành án yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, 5 Điều 308, Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và một phần kháng cáo của nguyên đơn. Chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 55.994.000 đồng, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn nộp trong hạn luật định nên kháng cáo được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn O được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của các đương sự nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Văn Đ là người đại diện theo pháp luật của bị đơn rút yêu cầu kháng cáo, đồng ý bản án sơ thẩm, đồng ý trả cho Chi cục Thi hành án số tiền 166.575.000 đồng, anh Trần Trọng Q rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với 50% tiền lãi của 111.988.000 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu kháng cáo của bị đơn và nguyên đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người

khác, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 và khoản 5 Điều 308, Điều 312 định chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Ngoài ra, Quỹ tín dụng nhận thấy việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện T kê biên, bán đấu giá tài sản của ông S, bà L là diện tích đất 9.000m², thuộc một phần thửa 167 là có một phần lỗi của Quỹ tín dụng do đó Quỹ tín dụng tự nguyện bồi thường cho Chi cục Thi hành án 50% tiền lãi tính từ ngày 29/7/2014 đến ngày 29/4/2021 là 81 tháng x 0.83% là 55.994.000 đồng. Chi cục Thi hành án đồng ý sự tự nguyện của Quỹ tín dụng. Xét thấy, bị đơn đồng ý bồi thường cho nguyên đơn 50% tiền lãi tính từ ngày 29/7/2014 đến ngày 29/4/2021 là 81 tháng x 0.83% cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T và được nguyên đơn đồng ý là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn đối với một phần tiền lãi do bị đơn tự nguyện bồi thường là 55.994.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của Chi cục Thi hành án yêu cầu Quỹ tín dụng trả tiền chênh lệch 36.437.000 đồng trong số tiền 315.000.000 đồng mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T phải bồi thường cho ông Lê Văn Th vì Quỹ tín dụng nhân dân xã A đã nhận số tiền 166.575.000 đồng từ tiền bán đấu giá tài sản nên phải bồi thường cho ông Th.

Như đã phân tích trên, việc hủy kết quả bán đấu giá ngày 17/6/2014 do lỗi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T trong quá trình kê biên, bán đấu giá tài sản phần đất trên không tuân thủ các điều kiện theo quy định pháp luật theo bản án dân sự phúc thẩm số 148/2021/DS-PT ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, hiện nay bản án này đã có hiệu lực thi hành, không bị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Ngoài ra Quỹ tín dụng cũng đã tự nguyện bồi thường cho Chi cục Thi hành án số tiền 55.994.000 đồng nên yêu cầu này của Chi cục Thi hành án là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T yêu cầu không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.208.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn tự nguyện bồi thường cho nguyên đơn số tiền 55.994.000 đồng nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền này là 55.994.000 đồng x 5% = 2.799.700 đồng, do đó chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm. Như vậy nghĩa vụ chịu tiền án phí sơ thẩm như sau:

Nguyên đơn: (36.437.000đồng + 15.000.000đồng + 55.994.000đồng) x 5% = 5.409.050đồng.

Bị đơn: (166.575.000đồng + 55.994.000đồng) x 5% = 11.128.450 đồng.

[6] Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa bản án số 58/2022/DS-ST, ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, công nhận sự tự nguyện của bị đơn bồi thường cho nguyên đơn số tiền 55.994.000 đồng và sửa lại án phí sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, Điều 293, Điều 300, khoản 2, 5 Điều 308, Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 109, 166, 357, 468, 579, 580 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Quỹ tín dụng nhân dân xã A.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đối với phần yêu cầu 50% số tiền lãi suất của 111.988.000 đồng.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đối với Quỹ tín dụng nhân dân xã A.

Buộc Quỹ tín dụng nhân dân xã A có trách nhiệm trả cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T số tiền 166.575.000 (Một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Công nhận sự tự nguyện của Quỹ tín dụng nhân dân xã A bồi thường cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T số tiền 55.994.000 (Năm mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng. Tổng cộng Quỹ tín dụng nhân dân xã A phải trả cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T số tiền 222.569.000 (Hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T về việc yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân xã A trả tiền án phí là: 15.750.000đ (Mười lăm

triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền chênh lệch phải bồi thường cho ông Lê Văn Thái là: 36.437.000đ (Ba mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân xã A về việc yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 22.051m², mục đích sử dụng: L, thửa 167, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01927, cấp ngày 15/6/2001 (do ông Nguyễn Văn Sơn đứng tên) theo biên bản tạm giữ tài sản, giấy tờ giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam và Quỹ tín dụng nhân dân xã A, ngày 29/7/2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Quỹ tín dụng nhân dân xã A phải chịu 11.128.450 (Mười một triệu một trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0013142 ngày 12/7/2022. Quỹ tín dụng nhân dân xã A còn phải nộp tiếp 10.828.450 (Mười triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện T phải nộp 5.409.050 (Năm triệu bốn trăm lẻ chín nghìn không trăm năm mươi) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.964.000 (Sáu triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0016235 ngày 02/7/2021 và 394.000 (Ba trăm chín mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0003161 ngày 21/10/2021 và 911.000 (Chín trăm mười một nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0003340 ngày 08/12/2021. Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được nhận lại tiền tạm ứng án phí còn thừa 2.859.950 (Hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn chín trăm năm mươi) đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chi cục Thi hành án được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012943 ngày 05/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Quỹ tín dụng nhân dân xã A phải chịu 300.000 đồng phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012864 ngày 13/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Khắc Thịnh – Phạm Minh Tùng

Trần Trung Thành

Nơi nhận:

- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh,
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành

